TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THÀNH** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 18/2017/DS-ST
Ngày: 18-7-2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hưng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung
2. Ông Đinh Công Trường

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Huyền-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành*** *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2017/TLST- DS ngày 10/4/2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXXST-DS ngày 05/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V
Địa chỉ: Tầng 1-7 Tòa nhà T, Số 72 đường T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị (*vắng mặt*)
Ủy quyền tham gia tố tụng cho: Ông Lê Hiền T- Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế Ngân hàng TMCP V (*vắng mặt*).
Ủy quyền lại cho: Ông Dương Thanh T, sinh năm 1987
Địa chỉ: Số P đường C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (có mặt).
(Giấy ủy quyền số 351/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 23/5/2017).

Bị đơn: Ông Trần Minh H, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Tổ Y, ấp S, xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/01/2014, Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là "*Ngân hàng*") và ông Trần Minh H có ký hợp đồng tín dụng số 20140109-113013-0012, theo thỏa thuận Ngân hàng cho ông H vay số tiền 19.950.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) với lãi suất 3,75%/tháng tính theo dư nợ gốc trả giảm dần, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân và mua bảo hiểm dư nợ tín dụng, hình thức cho vay là tín chấp, không thế chấp tài sản bảo đảm.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng nêu trên, ông Trần Minh H có trách nhiệm thanh toán số tiền gồm gốc và lãi là 30.594.000 đồng (*ba mươi triệu năm trăm chín mươi bốn ngàn đồng*), trong đó, tiền gốc là: 19.950.000 đồng và tiền lãi là: 10.644.000 đồng. Thời hạn trả là trả chậm trong 24 tháng (24 kỳ), theo đó, 23 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.276.000 đồng; tháng cuối cùng trả 1.246.000 đồng.Thanh toán vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 15/02/2014.

Thực hiện hợp đồng, ông Trần Minh H đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và đã trả cho N với số tiền 11.656.000 đồng (*mười một triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn đồng*), trong đó tiền gốc là 7.479.447 đồng và tiền lãi là 4.176.553 đồng. Kể từ ngày 22/06/2016 Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở ông Hiếu trả nợ nhưng ông H không trả khoản tiền nào cho Ngân hàng. Tổng số tiền ông Trần Minh H còn nợ Ngân hàng 18.938.000 đồng (*mười tám triệu chín trăm ba mươi tám ngàn đồng*).

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Minh H phải trả cho số tiền 18.938.000 đồng (*mười tám triệu chín trăm ba mươi tám ngàn đồng*), trong đó tiền gốc là 12.470.553 đồng và tiền lãi là 6.467.447 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo do chậm thanh toán.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn trình bày:

Ông Trần Minh H xác nhận có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng. Nay ông H xác nhận còn nợ Ngân hàng 18.938.000 đồng (*mười tám triệu chín trăm ba mươi tám ngàn đồng*), trong đó tiền gốc là 12.470.553 đồng và tiền lãi là 6.467.447 đồng. Số tiền này do một mình ông H vay không liên quan đến vợ ông H, hiện nay vợ chồng ông đã ly hôn nên nay ông H đồng ý tự mình trả cho Ngân hàng. Ông H đề nghị Ngân hàng cho trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Trần Minh H phải hoàn trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Hợp đồng tín dụng số 20140109-113013-0012 ngày 10/01/2014 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và ông Trần Minh H với mục đích vay tiêu dùng cá nhân, một trong hai bên không có mục đích lợi nhuận, nay có phát sinh tranh chấp nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "hợp đồng tín dụng". Ông Trần Minh H có địa chỉ tại huyện Tân Thành nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Ông H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung khởi kiện:

Do ông Trần Minh H không thanh toán số tiền 18.938.000 đồng (mười tám triệu chín trăm ba mươi tám ngàn đồng) cho Ngân hàng theo như hợp đồng đã ký kết, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Minh H phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ngày 10/01/2014, Ngân hàng TMCP V và ông Trần Minh H có ký hợp đồng tín dụng số 20140109-113013-0012 với nội dung Ngân hàng cho ông Trần Minh H vay số tiền 19.950.000 đồng với lãi suất 3,75%/tháng tính theo dư nợ gốc trả giảm dần, mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân và mua bảo hiểm dư nợ tín dụng; hình thức cho vay: Vay tín chấp; phương thức cho vay: Vay trả góp. Theo thỏa thuận, ông Trần Minh H có trách nhiệm trả tổng số tiền gốc và lãi là 30.594.000 đồng bằng hình thức trả chậm mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng trong 24 kỳ, bắt đầu từ ngày 15/02/2014 cho đến ngày 15/02/2016, mỗi kỳ trả số tiền 1.276.000 đồng; kỳ cuối trả 1.246.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, ông Trần Minh H đã nhận đủ số tiền vay là 19.950.000đ và đã trả cho Ngân hàng với số tiền 11.656.000 đồng, trong đó tiền gốc là 7.479.447 đồng và tiền lãi là 4.176.553 đồng vào các ngày 01/02/2014, 18/3/2014, 28/4/2014, 02/6/2014, 23/6/2014, 24/7/2014, 09/10/2015, 29/01/2016 và 22/6/2016. Căn cứ bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án thì ông H xác nhận hiện nay còn nợ Ngân hàng 18.938.000 đồng (mười tám triệu chín trăm ba mươi tám ngàn đồng), trong đó tiền gốc là 12.470.553 đồng và tiền lãi là 6.467.447 đồng. Việc ông H không thanh toán đúng hạn là vi phạm Điều 4 của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên nên cần buộc ông H có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho phía Ngân hàng.

Về yêu cầu tính lãi suất thì thấy: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Hiếu phải thanh toán số nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 15/01/2016 cho đến ngày xét xử. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn

toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sẽ đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện nêu trên. Đồng thời đại diện Ngân hàng yêu cầu sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông H không thanh toán tiền thì ông H phải chịu mức lãi chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 248 của Bộ luật dân sự quy định mà không phải chịu mức lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 20140109-113013-0012 ngày 10/01/2014, xét thấy yêu cầu này của đại diện Ngân hàng là phù hợp thực tế về khả năng trả nợ của ông H và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cần buộc ông Trần Minh H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V 18.938.000đ (mười tám triệu chín trăm ba mươi tám ngàn đồng), trong đó tiền gốc là 12.470.553 đồng và tiền lãi là 6.467.447 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 18.938.000đ x 5% = 946.900 đồng (chín trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm đồng), hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 227, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông Trần Minh H.

Buộc ông Trần Minh H phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T 18.938.000 đồng (mười tám triệu chín trăm ba mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về việc yêu cầu Tòa án buộc buộc ông H phải thanh toán số nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 15/01/2016 cho đến ngày xét xử.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Minh H phải chịu 946.900 đồng (*chín trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại 473.000 đồng (*bốn trăm bảy mươi ba ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP V theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003753 ngày 10/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Xuân Hưng